TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 770/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2018.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1501/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chou, Chia - H, sinh năm 1972; nơi cư trú: đường A, khóm B, phường C, khu D, Thành phố Đ, Đài Loan.

Có ông Thượng Hoàng P - Đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018) - trong phạm vi được nhận các thông báo, quyết định, bản án liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thủy T, sinh năm 1989; nơi cư trú: đường E, Tổ G, Khu phố H, phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có bà Trịnh Hồng V - Đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/4/2018) - trong phạm vi được nhận các thông báo, quyết định, bản án liên quan đến việc giải quyết vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/01/2018 và các bản tự khai, nguyên đơn ông Chou, Chia- H trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thủy T tự nguyện đăng ký kết hôn số 36 ngày 28/7/2017 tại Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông H trở về Đài Loan, bà T ở Việt Nam. Vợ chồng không thể đoàn tụ vì khoảng cách địa lý. Hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Ông xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Lê Thị Thủy T trình bày: Vợ chồng ông bà đã không liên lạc, không quan tâm, chăm sóc nhau đã lâu nên cả hai dần có khoảng cách, thường xảy ra mâu thuẫn. Bà xác định tính cảm không còn, đồng ý ly hôn; về con chung và tài sản chung không có.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Chou, Chia - H yêu cầu ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Ông Chou, Chia - H hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông Chou, Chia - H và bà Lê Thị Thủy T có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do khoảng cách địa lý, sau khi kết hôn vợ chồng đã không sống chung do ông Chou, Chia - H đã trở lại Đài Loan định cư. Hai bên không liên lạc, không quan tâm, chăm sóc nhau. Cả hai không có giải pháp đoàn tụ nên tình cảm vợ chồng dần có khoản cách. Hai bên xác định tình cảm không còn, cùng xin được ly hôn.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 24/01/2018, nội dung ủy quyền bà T đã uỷ quyền cho bà Trịnh Hồng Vân được thay mặt bà nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải đã được tống đạt hợp lệ nhưng bà T không có văn bản nào khác với ý kiến tại văn bản mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã cung cấp ngày 21/4/2018.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1501/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2018, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 15/6/2018. Ông Chou, Chia - H và bà Lê Thị Thủy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét thấy, ông Chou, Chia - H đã cung cấp chứng cứ là các văn bản ghi ý kiến của bà T đồng ý ly hôn; bà xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa

ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông H và bà T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Chou, Chia – H.

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông Chou, Chia – H được ly hôn với bà Lê Thị Thủy T. Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ngày 28/7/2017 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Chou, Chia – H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0048746 ngày 29/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Chou, Chia – H đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Chou, Chia – H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, bà Lê Thị Thủy T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND Quận 9, TP.HCM;
- Lưu: VT, HS (T/16).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp